

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2024
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thanh Hải;
- Ông Nguyễn Quốc Khanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2024/TLST-HNGĐ
ngày 12/6/2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-HN ngày 05/08/2024, Thông
báo thay đổi thời gian xét xử số 08/2024/TB-TA ngày 08/8/2024, Quyết định
hoãn phiên tòa số 113/2024/QĐST-HN, ngày 15/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ C, khóm P,
phường A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Viễn P, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ C,
khóm P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét
xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn bà Lê Thị Ú trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Ngọc Viễn P chung sống từ năm
2007; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T ngày 04/7/2009.
Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm. Nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ tháng 6/2024 đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 09/8/2008, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn có ý kiến trình bày: Vợ chồng sống chung cũng có mâu thuẫn nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và con. Bị đơn cam kết sẽ thay đổi để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Đối với con chung tùy vào nguyện vọng của con muốn sống với ai cũng được.

Cháu Nguyễn Ngọc Huyền T có ý kiến cho biết: Cháu đang sống với mẹ, sau khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Xét thấy về tình cảm, từ khi sống ly thân đến nay, cả hai không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó cho thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc nguyên đơn khởi kiện ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 09/8/2008, cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ, bị đơn có ý kiến tùy nguyện vọng của con. Do đó, đề nghị giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao cháu Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh ngày 09/8/2008 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà **Lê Thị Ú** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông **Nguyễn Ngọc Viễn P**; bị đơn có địa chỉ cư trú tại **tổ C, xóm P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang**. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân Phường A, huyện T** (nay là thị xã) nên được xem là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, hiện nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn kéo dài. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, nguyên đơn kiên quyết ly hôn. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được nên cần chấp nhận cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Cháu **Nguyễn Ngọc Huyền T** có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Bị đơn có ý kiến tùy nguyện vọng của con. Xét, giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dạy nhằm ổn định cuộc sống của cháu như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị Ú**;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị Ú** được ly hôn ông **Nguyễn Ngọc Viễn P**.

[2] Về con chung: Bà **Lê Thị Ú** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Ngọc Huyền T**, sinh ngày 09/8/2008; ông **Nguyễn Ngọc Viễn P** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà **Lê Thị Ú** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông **Nguyễn Ngọc Viễn P** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí: Bà **Lê Thị Ú** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số BLTU/2023/0010955 ngày 11/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên. Bà **Ú** đã nộp đủ án phí.

Ông **P** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của bị đơn là 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tịnh Biên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TX. Tịnh Biên;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm